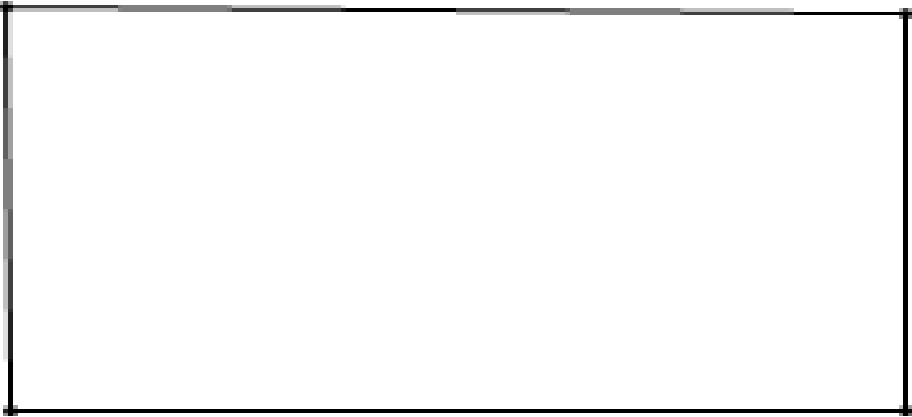
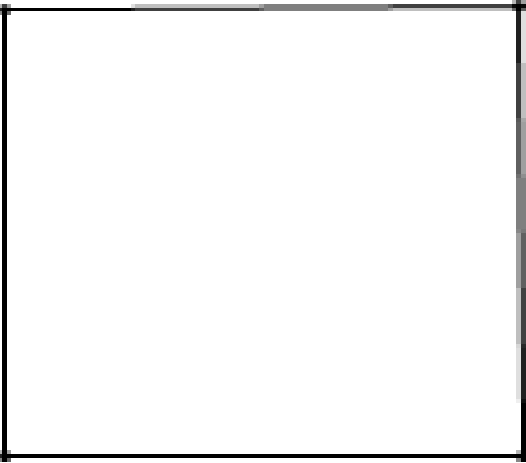


LUYỆN TẬP
CHU VI VÀ DIỆN TÍCH CỦA MỘT SỐ
HÌNH TRONG THỰC TIỄN



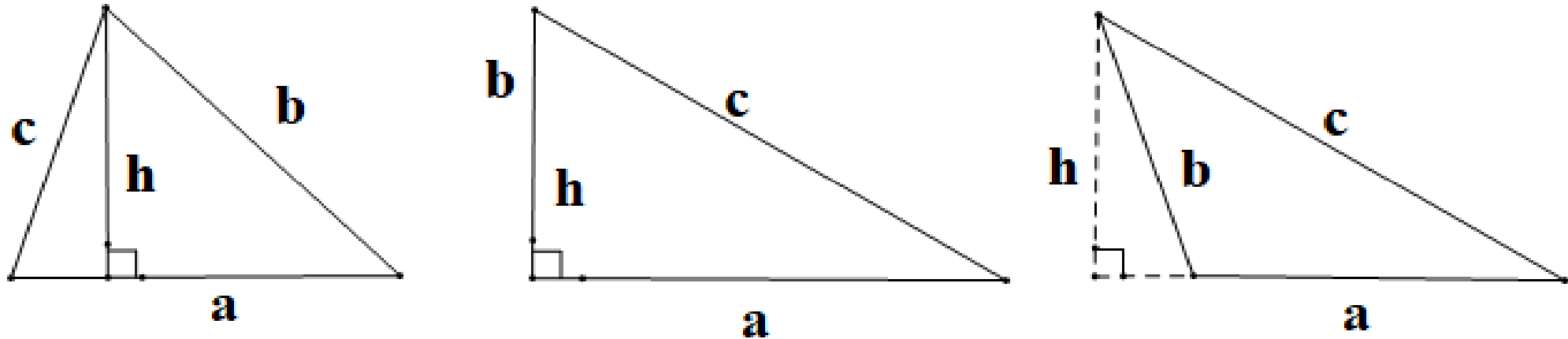
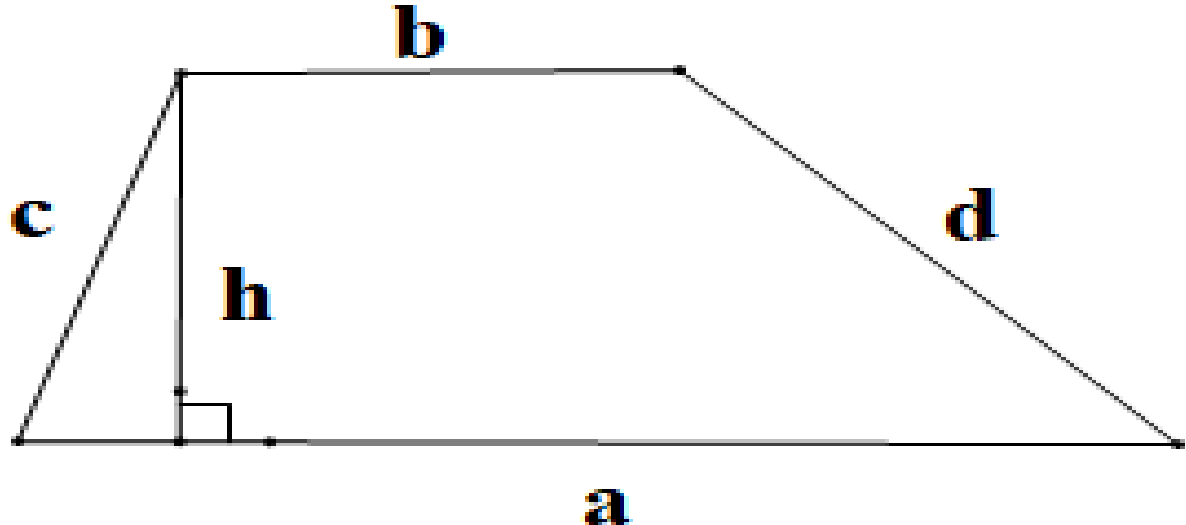
BÀI 3. CHU VI VÀ DIỆN TÍCH CỦA MỘT SỐ HÌNH TRONG THỰC TIỄN

1. Nhắc lại về chu vi và diện tích của một số hình đã học
(Ta kí hiệu P là chu vi, S là diện tích)

LOẠI HÌNH	CHU VI (P)	DIỆN TÍCH (S)
 HÌNH CHỮ NHẬT	$P = (a+b).2$	$S = a.b$
 HÌNH VUÔNG	$P = 4.a$	$S = a.a$

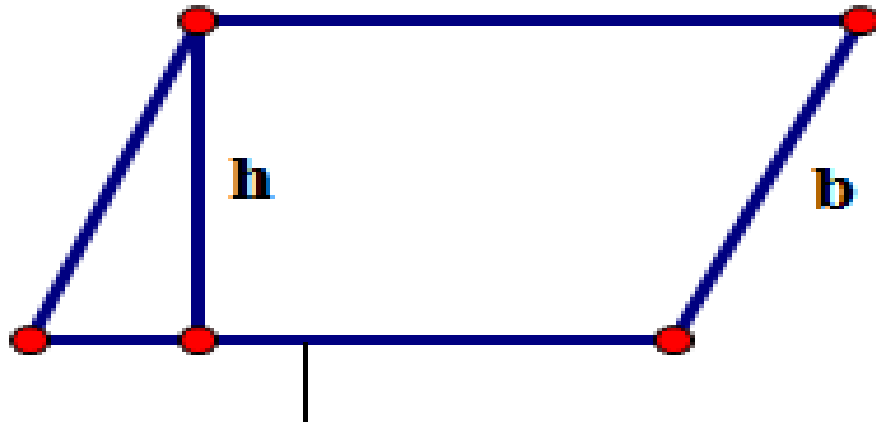
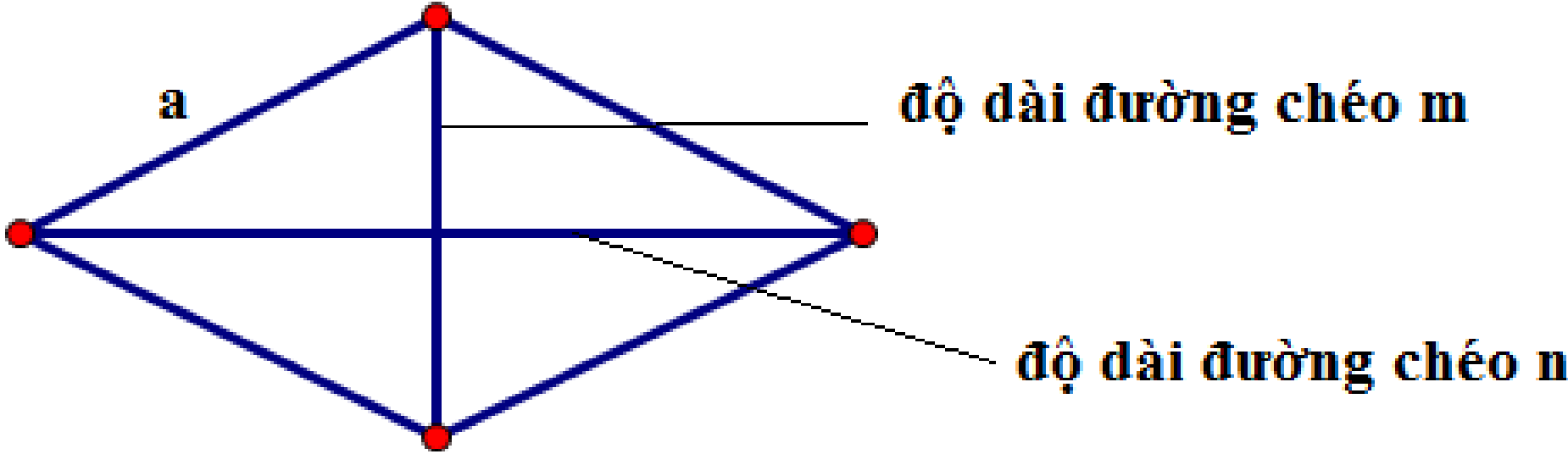
BÀI 3. CHU VI VÀ DIỆN TÍCH CỦA MỘT SỐ HÌNH TRONG THỰC TIỄN

1. Nhắc lại về chu vi và diện tích của một số hình đã học
(Ta kí hiệu P là chu vi, S là diện tích)

LOẠI HÌNH	CHU VI (P)	DIỆN TÍCH (S)
 TAM GIÁC	$P = a+b+c$	$S = \frac{a \cdot h}{2}$
 HÌNH THANG	$P = a+b+c+d$	$S = \frac{(a + b) \cdot h}{2}$

BÀI 3. CHU VI VÀ DIỆN TÍCH CỦA MỘT SỐ HÌNH TRONG THỰC TIỄN

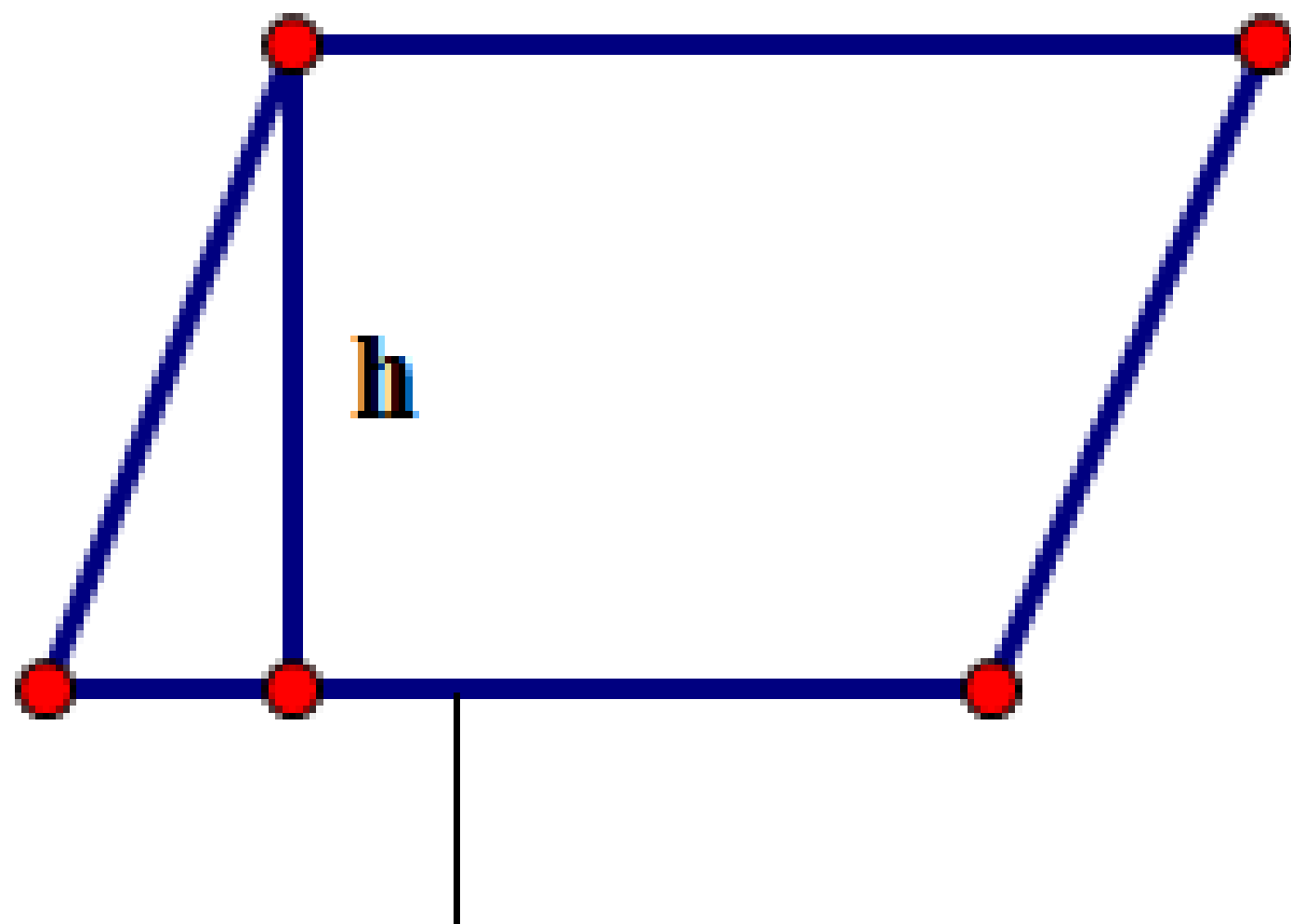
1. Nhắc lại về chu vi và diện tích của một số hình đã học
(Ta kí hiệu P là chu vi, S là diện tích)

LOẠI HÌNH	CHU VI (P)	DIỆN TÍCH (S)
 độ dài cạnh a HÌNH BÌNH HÀNH	$P = (a+b).2$	$S = a. h$
 độ dài đường chéo m độ dài đường chéo n HÌNH THOI	$P = 4.a$	$S = \frac{m. n}{2}$

Bài tập 1/ SGK/ 92:

Tính diện tích các hình sau:

a) Hình bình hành có chiều dài một cạnh 20 cm và chiều cao tương ứng 5 cm.



độ dài cạnh a

$$S = \frac{a \cdot h}{2}$$

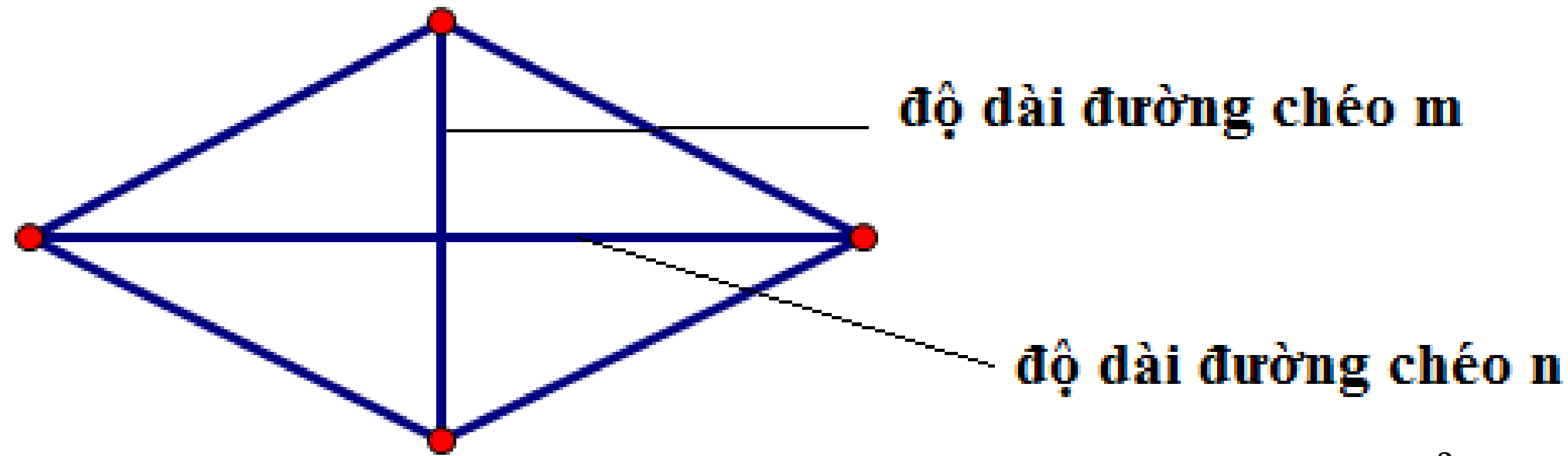
Diện tích hình bình hành là:

$$S = \frac{20 \cdot 5}{2}$$

$$S = 50 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Bài tập 1/ SGK/ 92

b) Hình thoi có độ dài hai đường chéo là 5 m và 20 dm.



$$S = \frac{m \cdot n}{2}$$

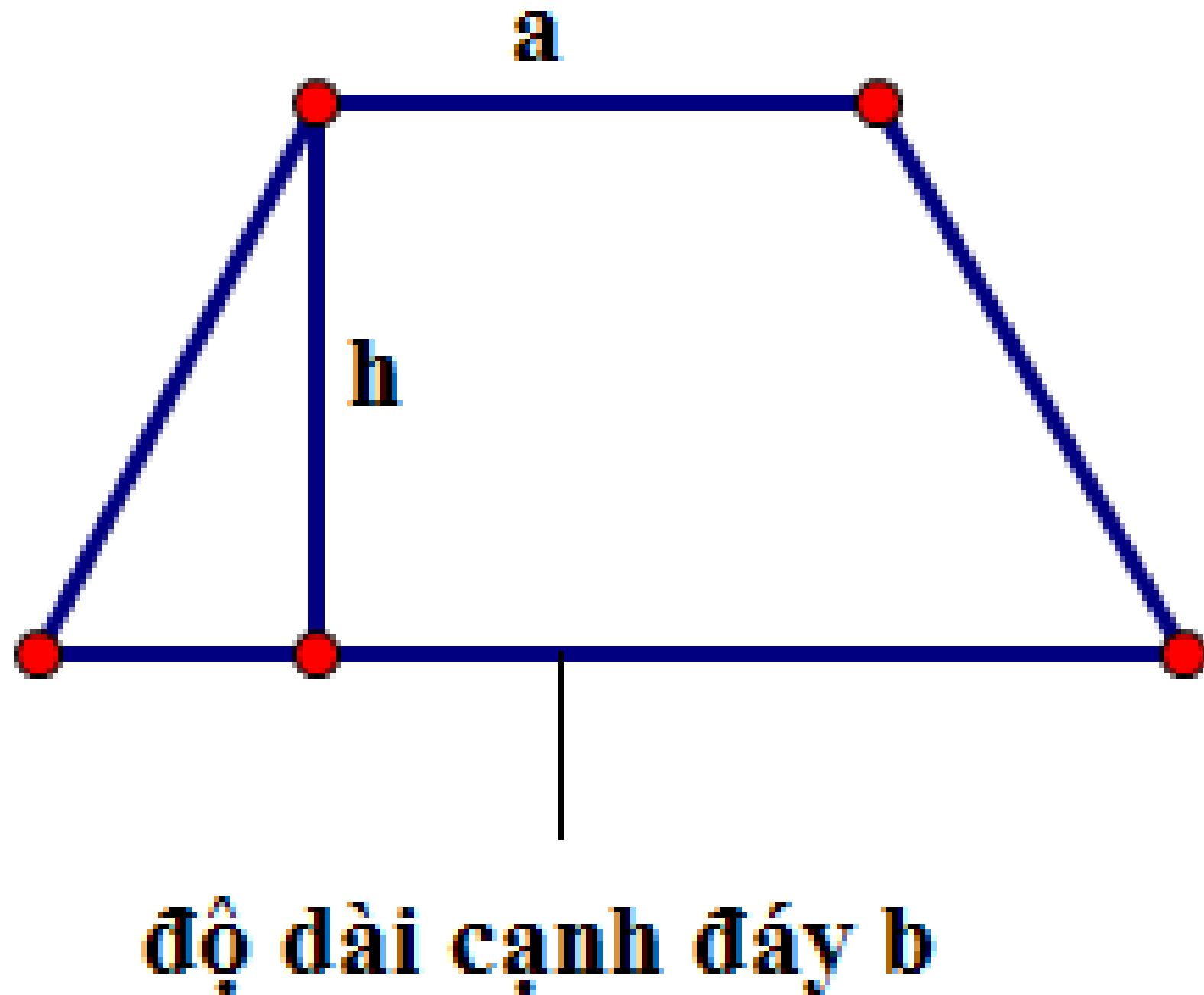
Đổi đơn vị: 20 dm = 2 m

Diện tích hình thoi là:

$$S = \frac{2.5}{2} = 5 \text{ (m}^2\text{)}$$

Bài tập 1/ SGK/ 92:

c) Hình thang cân có độ dài hai cạnh đáy là 5 m và 3,2 m; chiều cao là 4 m.



$$S = \frac{(a + b) \cdot h}{2}$$

Diện tích hình thang cân là:

$$S = \frac{(3,2 + 5) \cdot 4}{2}$$

$$S = 16,4 \text{ (m}^2\text{)}$$

Bài tập 2/ SGK/ 93

Chu vi hình tô màu:

$$P = 5 + 7 + 13 + 1 + 8 + 6 = 40 \text{ (cm)}$$

Diện tích hình chữ nhật lớn:

$$S = 7 \cdot 5 = 35 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Chiều rộng của hình chữ nhật nhỏ:

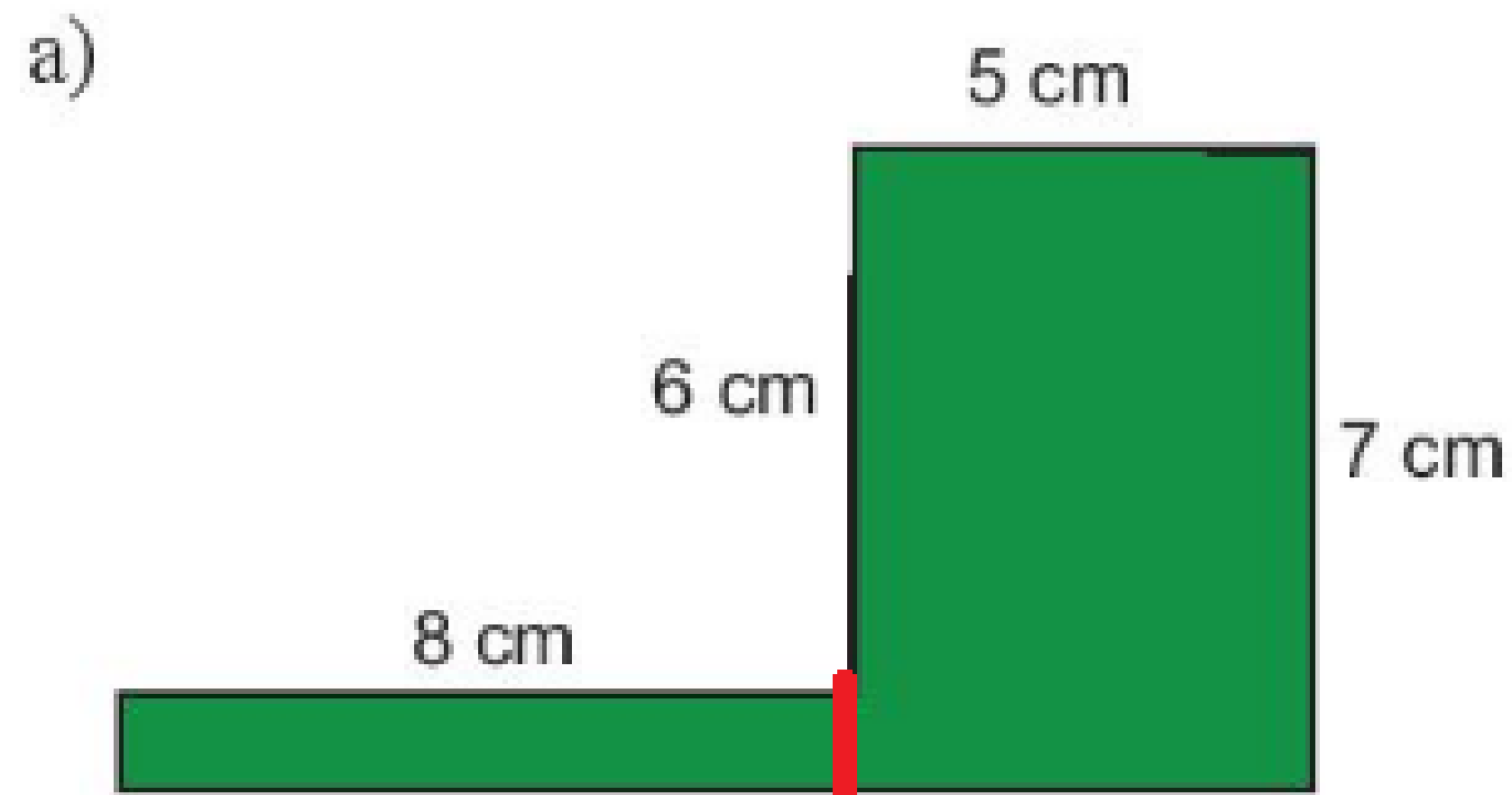
$$7 - 6 = 1 \text{ (cm)}$$

Diện tích hình chữ nhật nhỏ:

$$S = 8 \cdot 1 = 8 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Diện tích hình tô màu:

$$S = 35 + 8 = 43 \text{ (cm}^2\text{)}$$



Bài tập 2/ SGK/ 93

Chu vi hình tô màu:

$$P = 17 + 9 + 4 + 5 + 3 + 5 + 4 + 9 = 56 \text{ (cm)}$$

Diện tích hình chữ nhật:

$$S = 17 \cdot 9 = 153 \text{ (m}^2\text{)}$$

Chiều cao của hình thang cân:

$$9 - 5 = 4 \text{ (m)}$$

Diện tích hình thang cân:

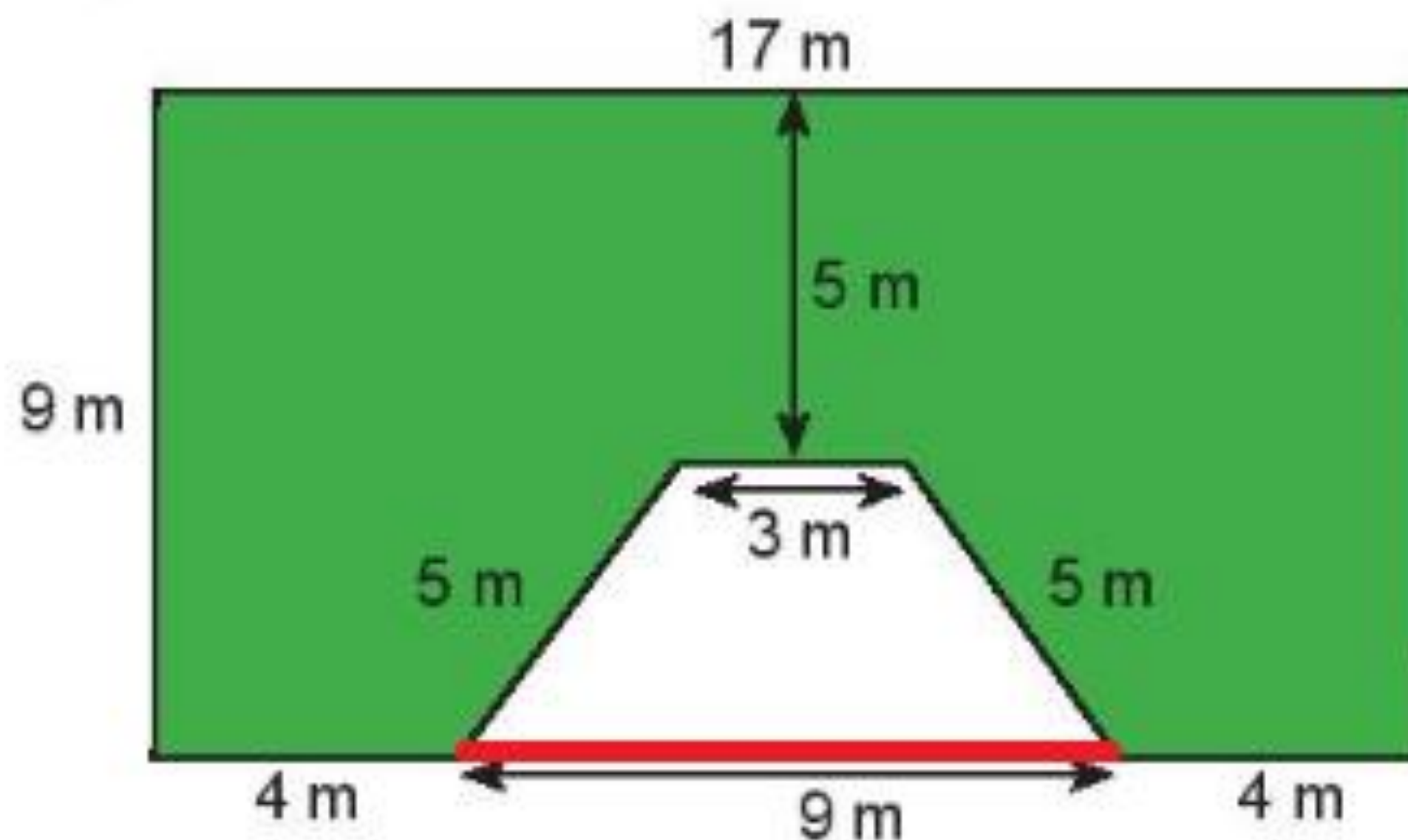
$$S = \frac{(3 + 9) \cdot 4}{2}$$

$$S = 24 \text{ (m}^2\text{)}$$

Diện tích hình tô màu:

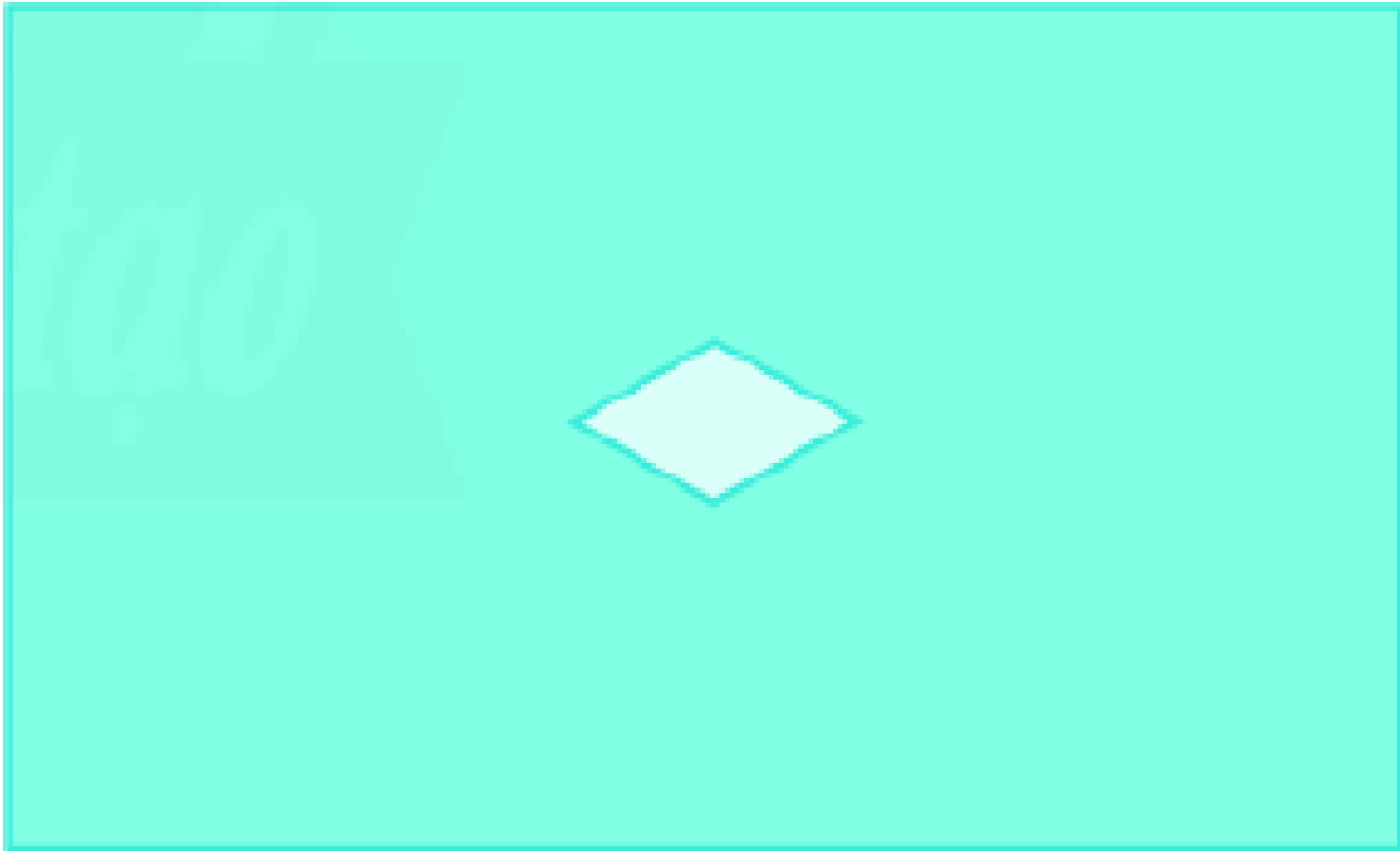
$$S = 153 - 24 = 129 \text{ (m}^2\text{)}$$

b)



Bài tập 4/ SGK/ 93

Một khu vườn hình chữ nhật có chiều dài 25 m, chiều rộng 15 m. Ở giữa khu vườn người ta xây một bồn hoa hình thoi có độ dài hai đường chéo là 5 m và 3 m. Tính diện tích phần còn lại của khu vườn.



Diện tích khu vườn hình chữ nhật:

$$S = 15 \cdot 25 = 375 \text{ (m}^2\text{)}$$

Diện tích bồn hoa hình thoi:

$$S = \frac{3 \cdot 5}{2}$$

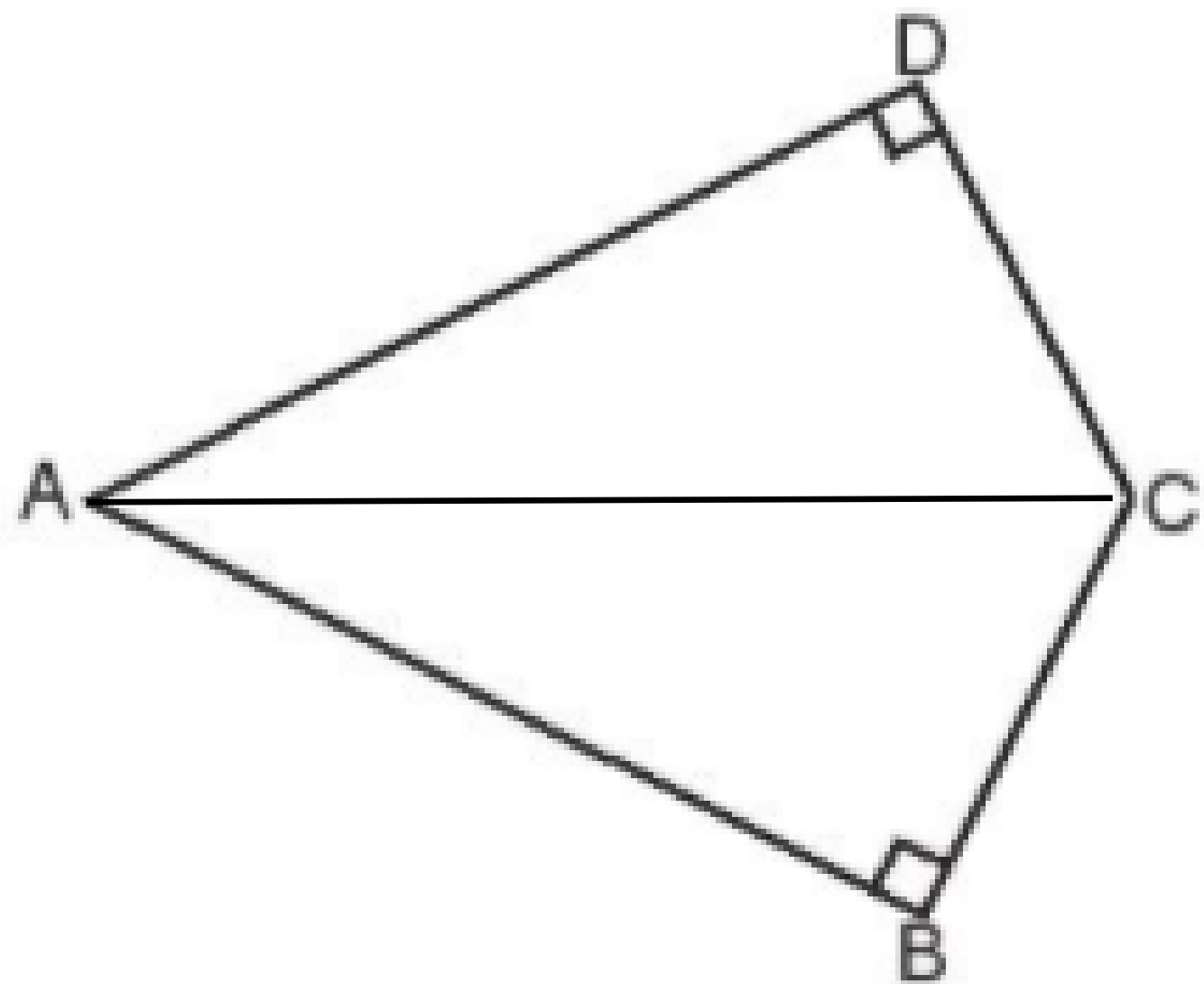
$$S = 7,5 \text{ (m}^2\text{)}$$

Diện tích phần còn lại của khu vườn:

$$S = 375 - 7,5 = 367,5 \text{ (m}^2\text{)}$$

Bài tập 1: Tính chu vi và diện tích của hình ABCD, biết $AB = AD = 4 \text{ cm}$, $BC = CD = 2 \text{ cm}$, các góc B và D đều là góc vuông

Hướng dẫn: Các em hãy nối 2 điểm A và C lại. Diện tích hình cần tính sẽ bằng tổng diện tích tam giác ACD và diện tích tam giác ABC



Chu vi hình ABCD:

$$\begin{aligned} P &= AB + BC + CD + DA \\ &= 4 + 2 + 2 + 4 = 12 \text{ (cm)} \end{aligned}$$

Diện tích tam giác ABC:

$$\begin{aligned} S &= \frac{4 \cdot 2}{2} \\ &= 4 \text{ (cm}^2\text{)} \end{aligned}$$

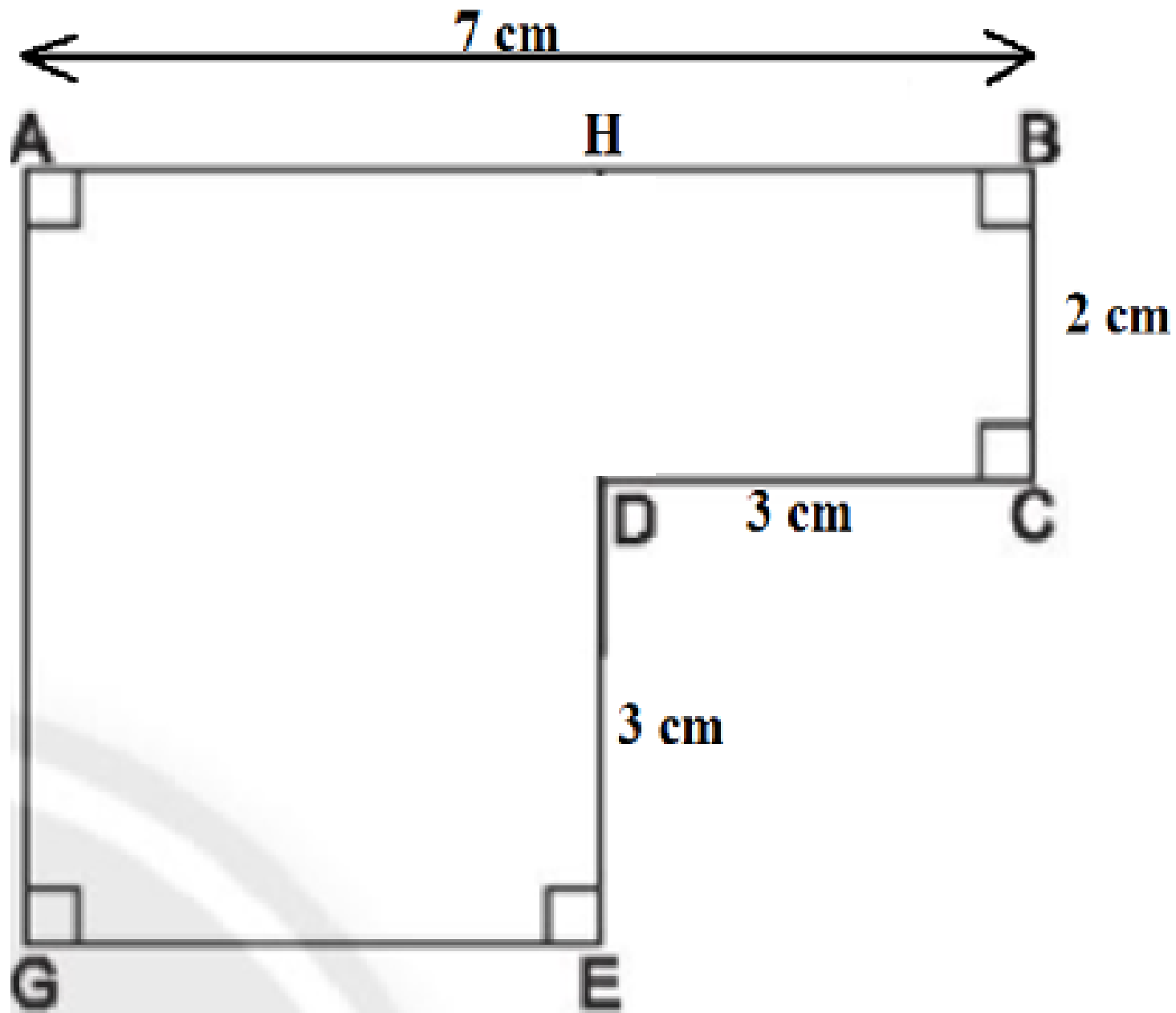
Diện tích tam giác ADC:

$$\begin{aligned} S &= \frac{4 \cdot 2}{2} \\ &= 4 \text{ (cm}^2\text{)} \end{aligned}$$

Diện tích hình ABCD:

$$4 + 4 = 8 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Bài tập 2: Tính chu vi và diện tích của hình ABCDEG, biết $AB = 7 \text{ cm}$, $BC = 2 \text{ cm}$, $CD = 3 \text{ cm}$ và $DE = 3 \text{ cm}$.

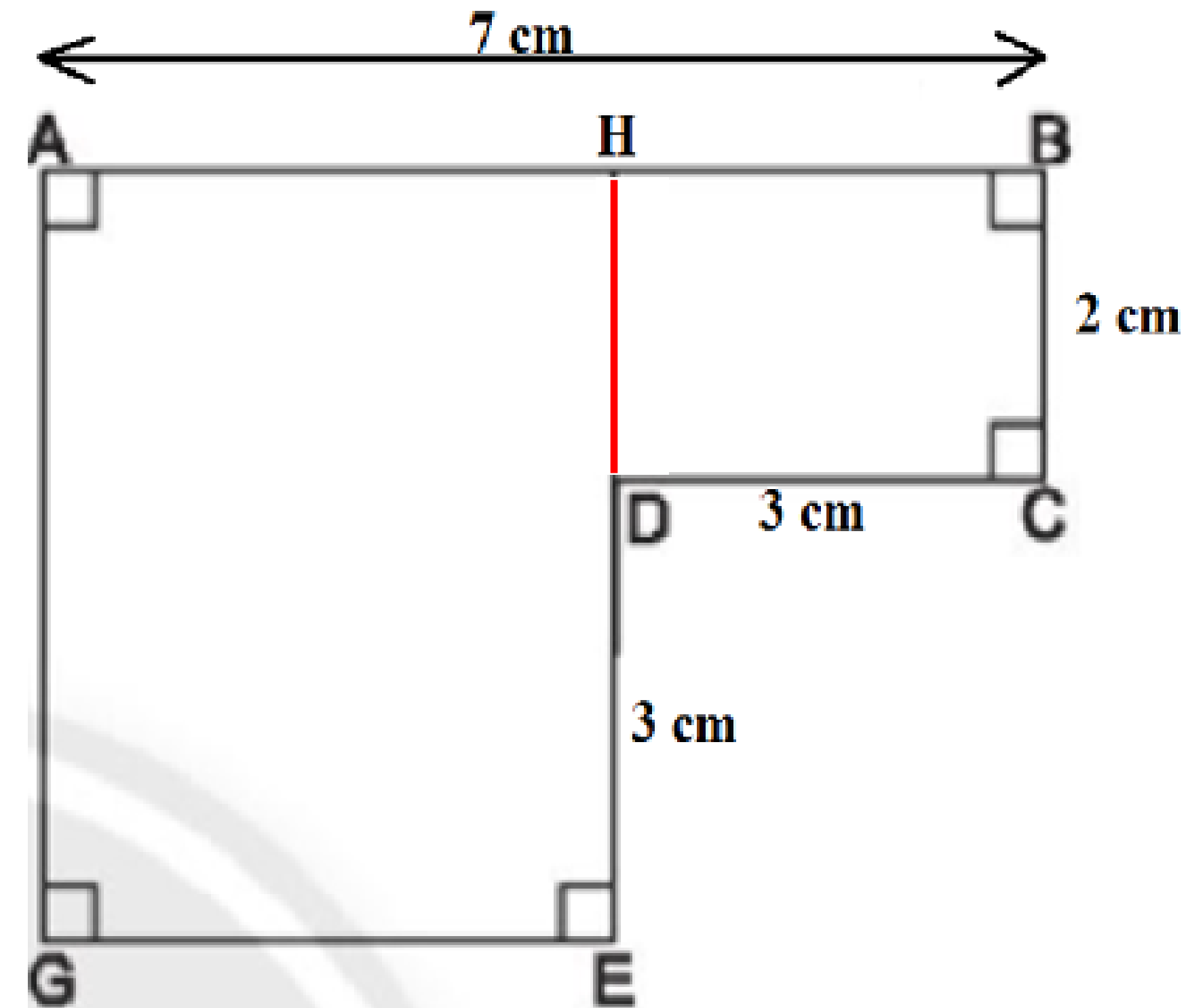


Chu vi hình ABCDEG:

$$\begin{aligned} P &= AB + BC + CD + DE + EG + GA \\ &= 7 + 2 + 3 + 3 + 4 + 5 \\ &= 24 \text{ (cm)} \end{aligned}$$

Bài tập 2: Tính chu vi và diện tích của hình ABCDEG, biết $AB = 7 \text{ cm}$, $BC = 2 \text{ cm}$, $CD = 3 \text{ cm}$ và $DE = 3 \text{ cm}$

Hướng dẫn: Phân chia thành 2 hình chữ nhật



Diện tích hình chữ nhật AHEG:

$$S = 5 \cdot 4 = 20 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Diện tích hình chữ nhật HBCD:

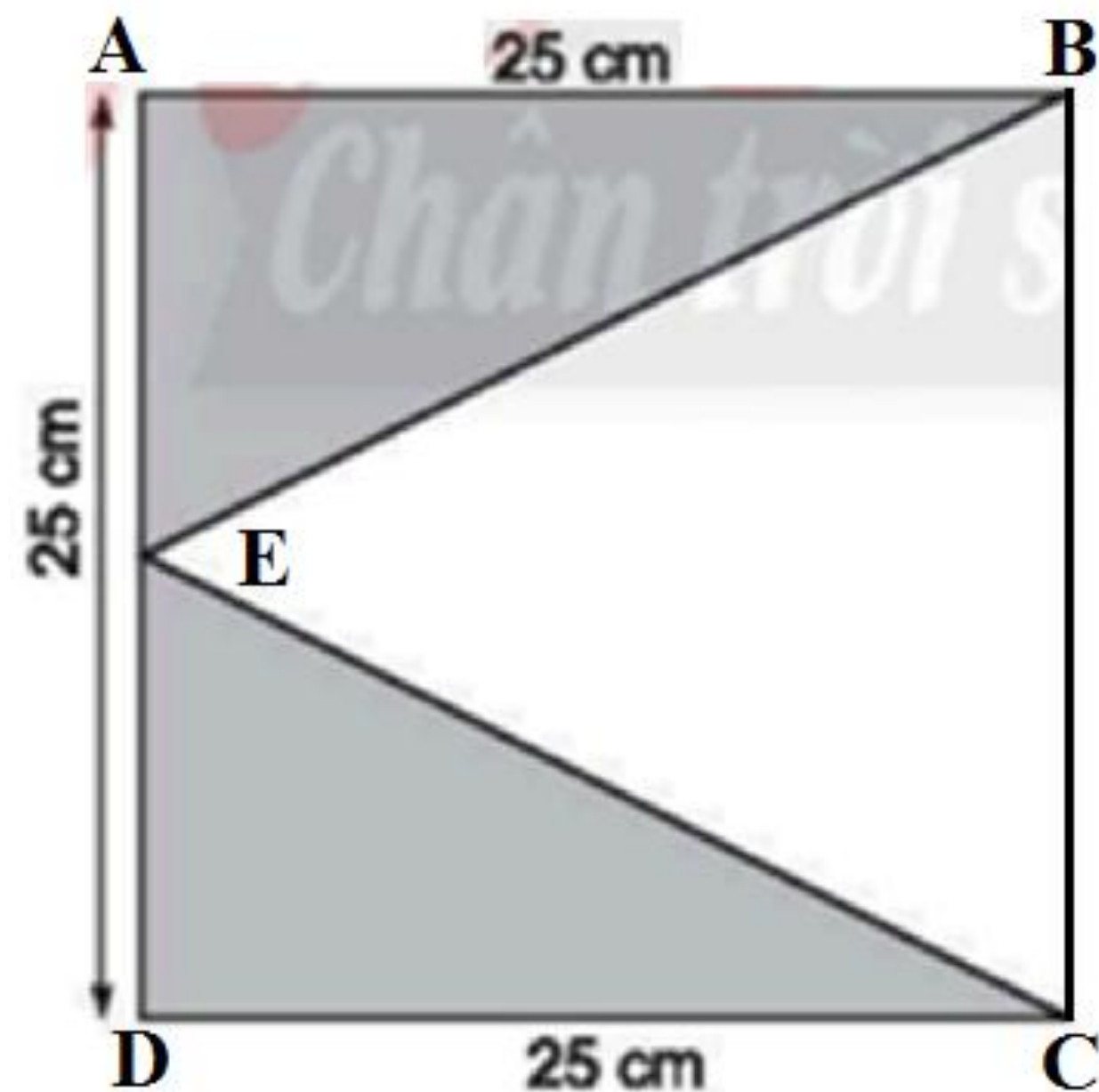
$$S = 3 \cdot 2 = 6 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Diện tích hình ABCDEG:

$$S = 20 + 6 = 26 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Bài tập 3: Tính diện tích của hình ABECĐ:

Hướng dẫn: Diện tích của hình ABECĐ bằng tổng diện tích hai hình tam giác.



Diện tích tam giác ABE:

$$S = \frac{25 \cdot 12,5}{2}$$

$$S = 156,25 \text{ (cm}^2\text{)}$$

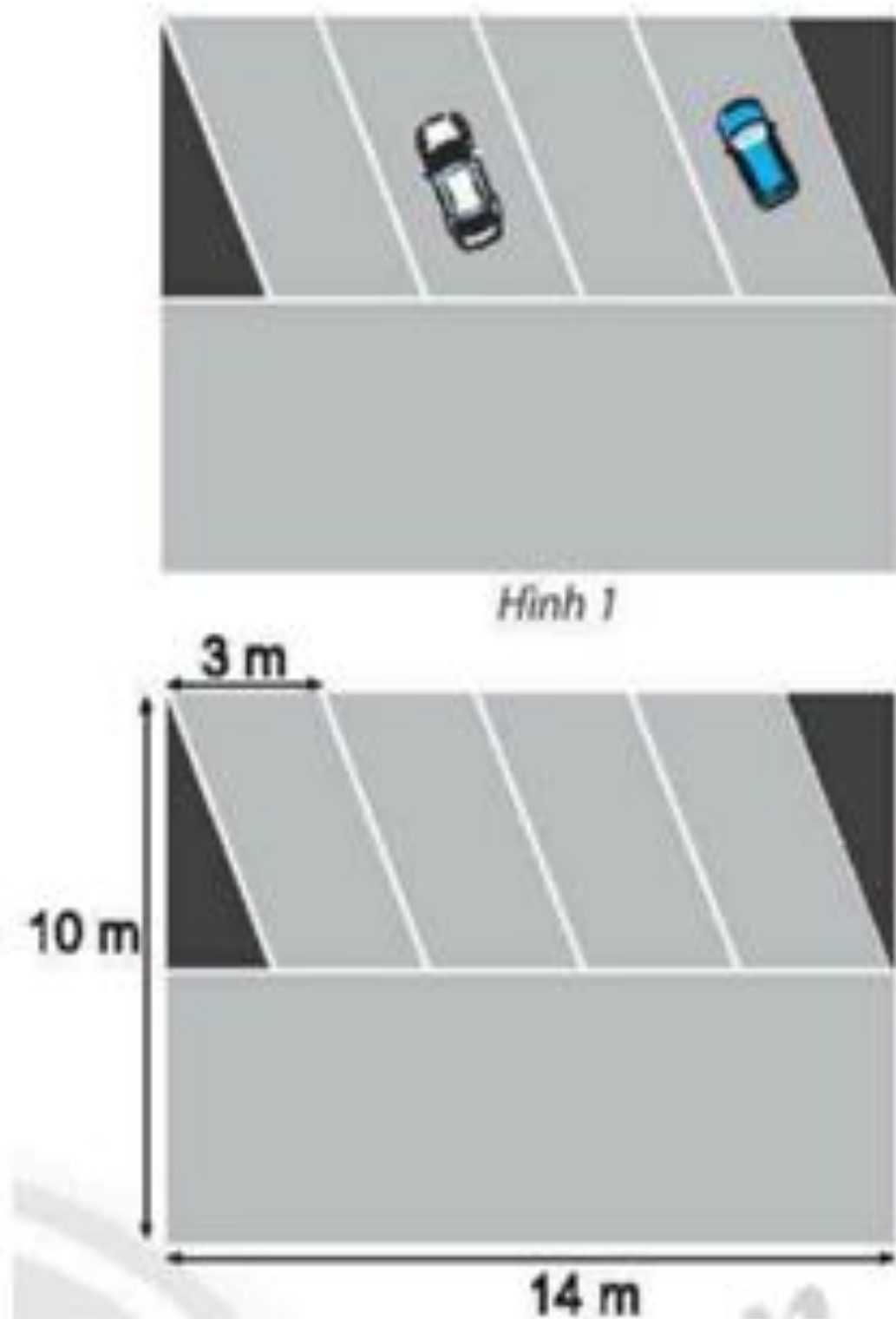
Diện tích tam giác EDC:

$$S = \frac{25 \cdot 12,5}{2}$$

$$S = 156,25 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Diện tích hình ABECĐ:

$$S = 156,25 + 156,25 = 312,5 \text{ (cm}^2\text{)}$$



Bài tập 4: Khu vực đậu xe ô tô của một cửa hàng có dạng hình chữ nhật với chiều dài 14m, chiều rộng 10 m. Trong đó, một nửa khu vực dành cho quay đầu xe, hai góc tam giác để trồng hoa và phần còn lại chia đều cho bốn chỗ đậu oto

a) Tính diện tích chỗ đậu xe dành cho một oto.

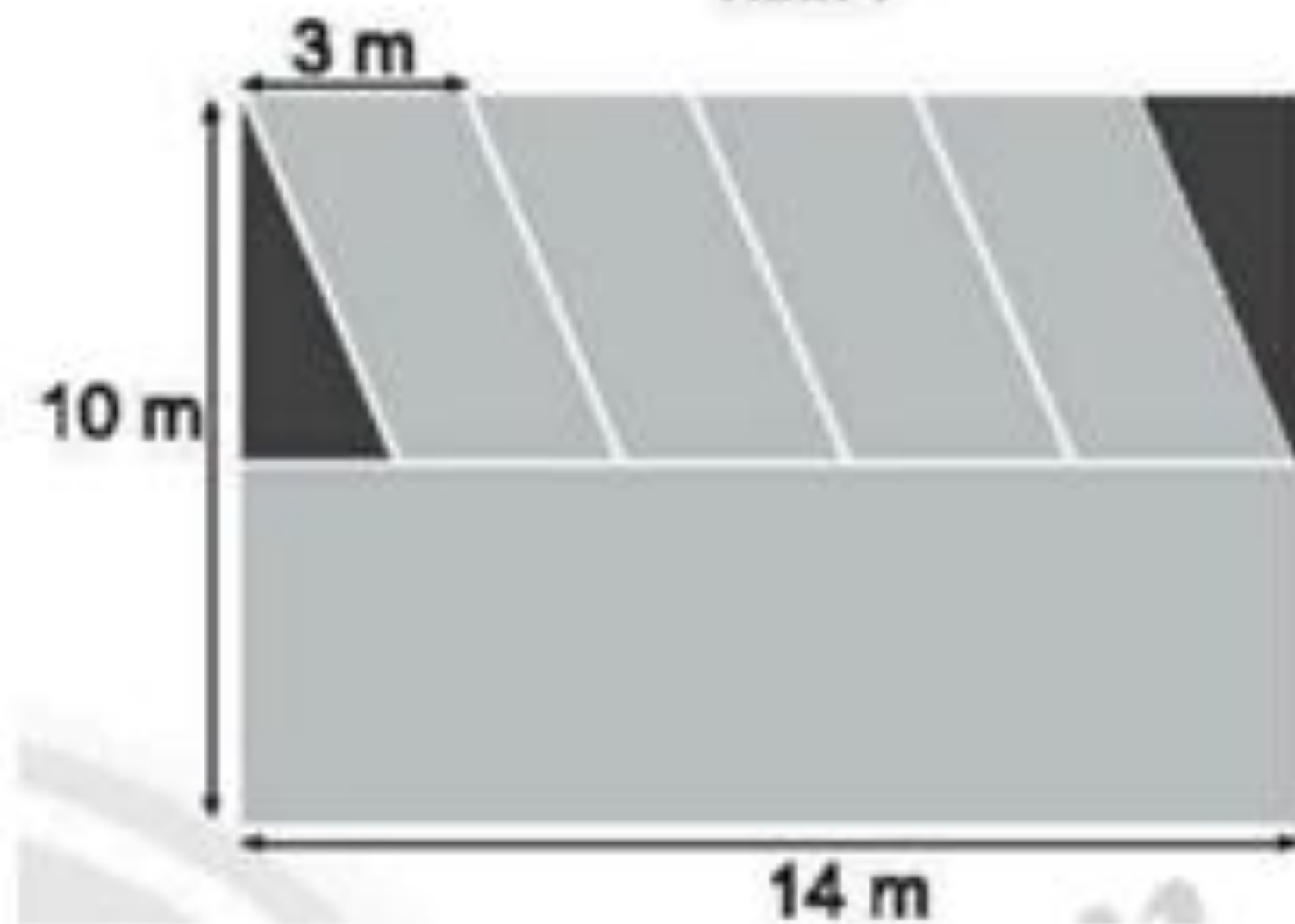
b) Tính diện tích dành cho đậu xe và quay đầu xe.

Hướng dẫn:

- a) Tính diện tích một hình bình hành (tương ứng với chỗ đậu xe dành cho một ô tô).



Hình 1

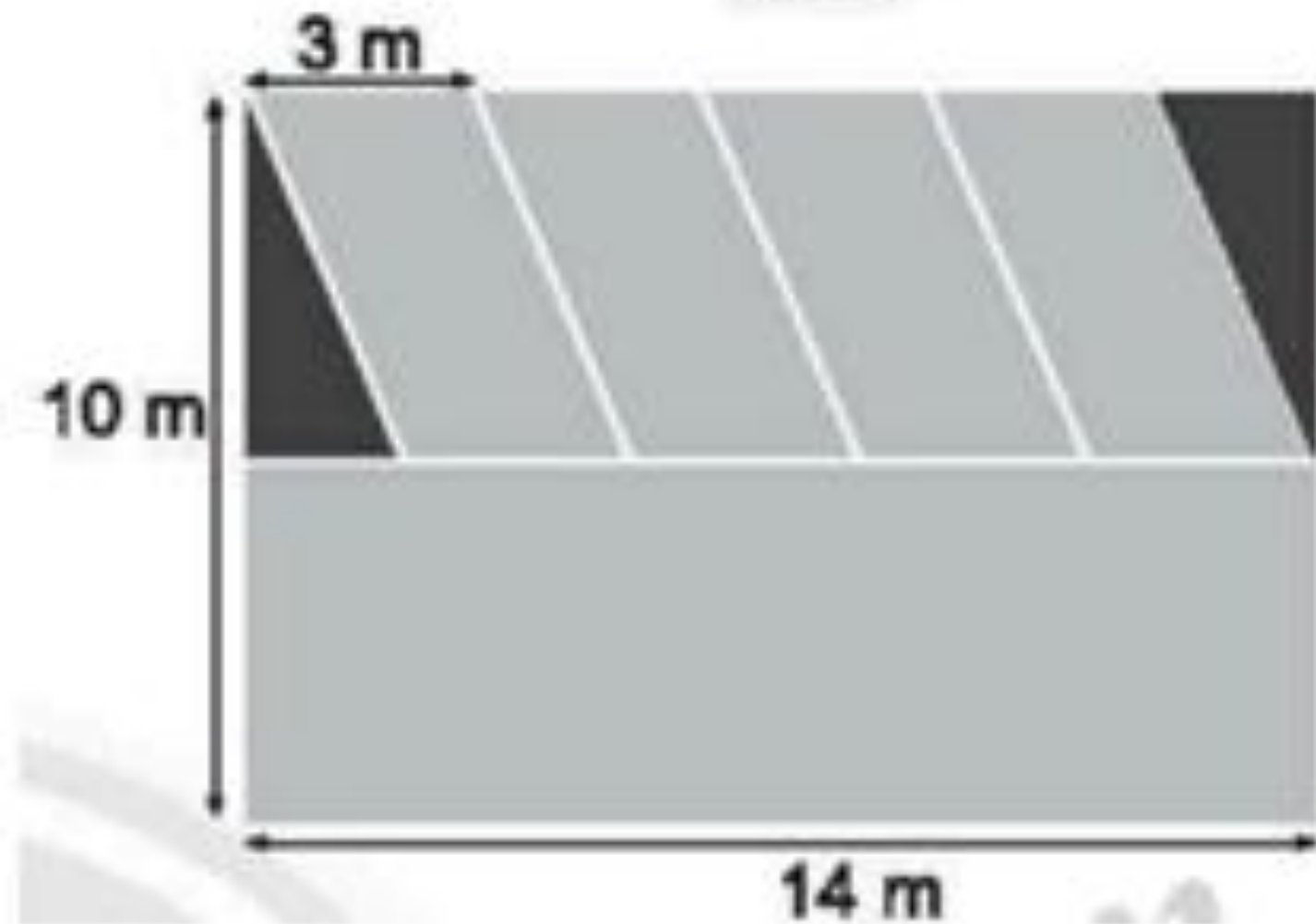


Diện tích chỗ đậu xe dành cho 1 ô tô:
 $S = 5 \cdot 3 = 15 \text{ (m}^2\text{)}$

b) Tính diện tích dành cho đậu xe và quay đầu xe.



Hình 1



Cách 1: Tổng diện tích trừ đi diện tích 2 góc tam giác để trồng hoa.

Cách 2: Tổng diện tích phần đậu xe và quay xe.

Diện tích dành cho 4 chỗ đậu xe:

$$S = 15 \cdot 4 = 60 \text{ (m}^2\text{)}$$

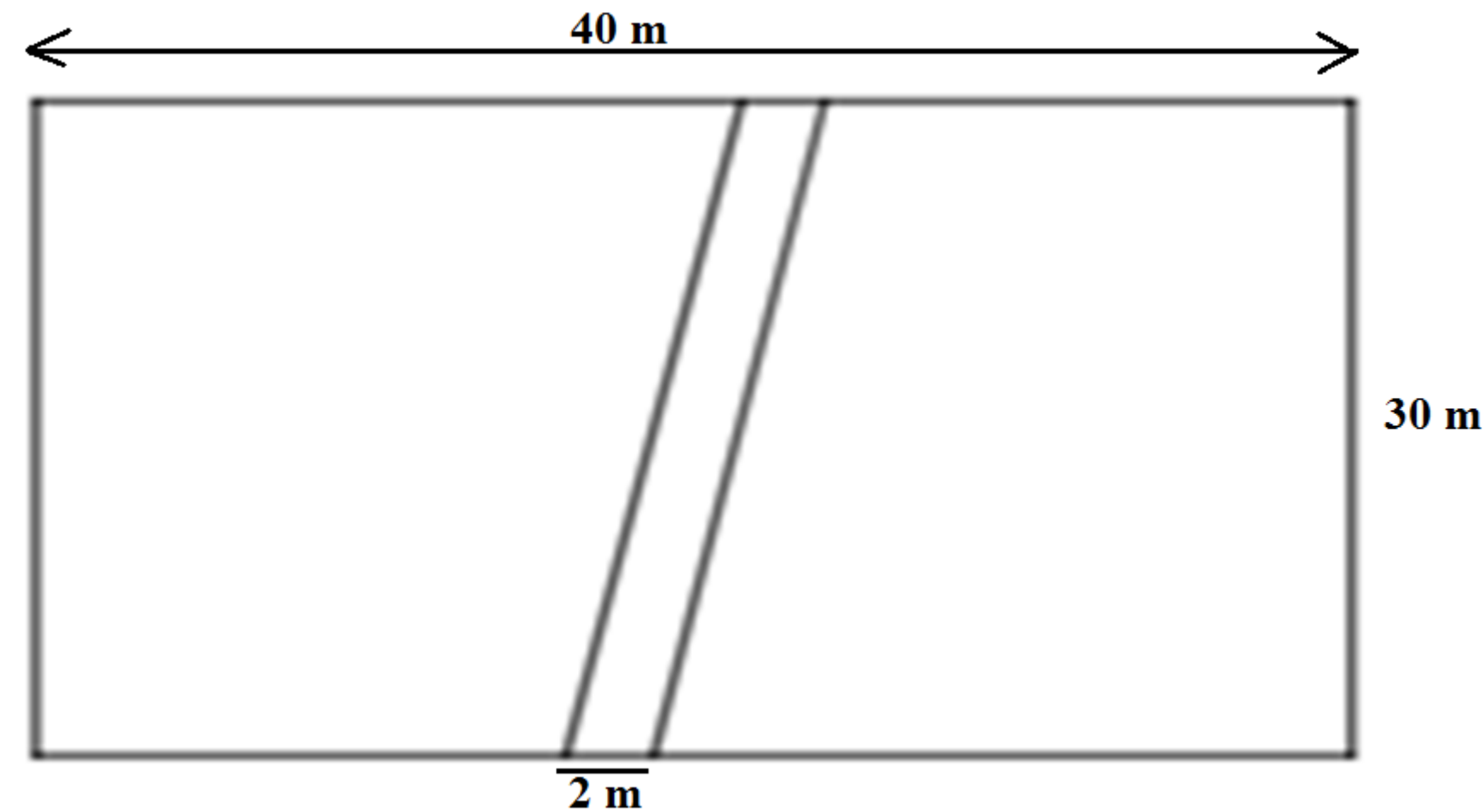
Diện tích phần quay xe:

$$S = 14 \cdot 5 = 70 \text{ (m}^2\text{)}$$

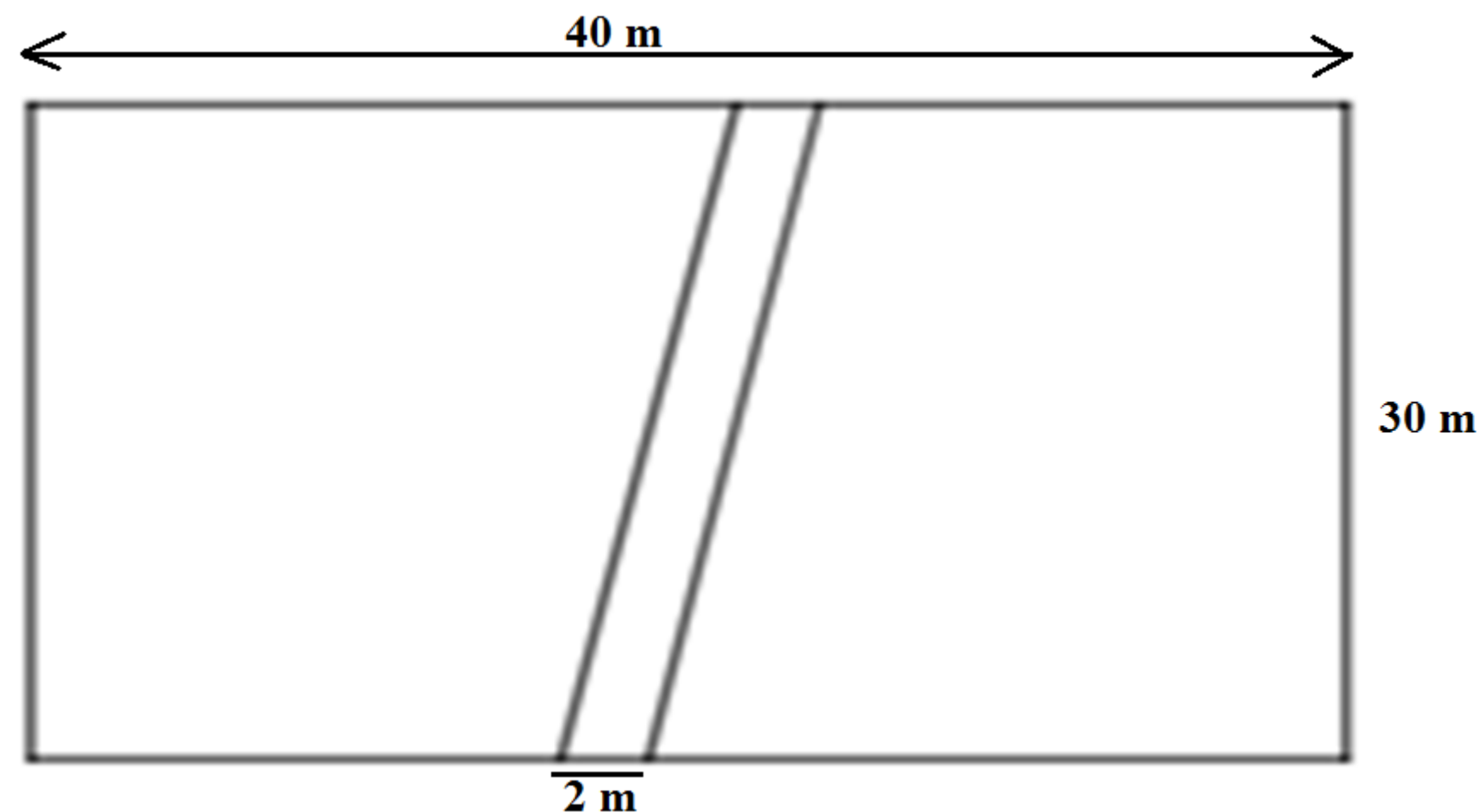
Diện tích phần đậu xe và quay xe:

$$S = 60 + 70 = 130 \text{ (m}^2\text{)}$$

Bài tập 5: Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 40 m, chiều rộng 30 m với lối đi hình bình hành rộng 2 m (xem hình bên). Tính diện tích phần mảnh vườn không tính lối đi.



Hướng dẫn: Diện tích cả hình chữ nhật trừ đi phần diện tích lối đi hình bình hành.



Diện tích mảnh vườn hình chữ nhật :

$$S = 40 \cdot 30 = 1\,200 \text{ (m}^2\text{)}$$

Diện tích lối đi hình bình hành:

$$S = 2 \cdot 30 = 60 \text{ (m}^2\text{)}$$

Diện tích phần mảnh vườn không tính lối đi:

$$S = 1\,200 - 60 = 1\,140 \text{ (m}^2\text{)}$$

DẶN DÒ VỀ NHÀ:

- Ôn lại các kiến thức về: Chu vi và diện tích của một số hình trong thực tiễn.
- Phương pháp giải tính chu vi và diện tích một số hình:
 - + Chia nhỏ các hình $\rightarrow$ tính diện tích mỗi hình có công thức.
 - + Tính tổng hoặc hiệu diện tích các hình đã tính.
- Chuẩn bị tiết sau: **ÔN TẬP CHƯƠNG**